

NGHỊ QUYẾT**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY****về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, nhất là từ năm 2012 đến nay, tỉnh Quảng Ninh đã “*đi trước, đón đầu*” trong khai thác cơ hội số, triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, ở tất cả các lĩnh vực và xác định lấy hiện đại hóa nền hành chính làm nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Tỉnh đã chủ động nghiên cứu, xây dựng và tổ chức triển khai Đề án xây dựng Chính quyền điện tử, Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh. Với quyết tâm chính trị cao, cách làm bài bản, có tính đột phá, sáng tạo, công tác chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, các dự án mới đã được khai phá, trong đó có đóng góp quan trọng từ sự phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên dùng. Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ninh trở thành khung tham chiếu của cả nước, đóng góp nhiều kinh nghiệm quý báu cho xây dựng Chính phủ điện tử. Nền hành chính được hiện đại hóa, thể hiện rõ nét qua việc thay đổi phương thức chỉ đạo, điều hành, cách thức làm việc và phục vụ của cơ quan nhà nước nhờ ứng dụng công nghệ thông tin. Thủ tục hành chính được giải quyết bằng quy trình điện tử, hồ sơ điện tử, dịch vụ công trực tuyến, đến nay 100% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến, trong đó 70% dịch vụ công đạt mức độ 4; tạo sự công khai, minh bạch, thuận lợi, tăng tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan chính quyền các cấp. Mô hình thành phố thông minh đã đạt được một số kết quả bước đầu ở một số lĩnh vực như y tế thông minh, giáo dục thông minh, môi trường thông minh... mang đến nhiều giá trị thụ hưởng cho người dân, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan nhà nước. Thương hiệu về môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Quảng Ninh được tạo dựng vững chắc với thứ hạng các bộ chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI dẫn đầu cả nước.

Tuy nhiên, quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: Cơ hội số vẫn chưa được khai thác mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả; kinh tế số chỉ chiếm tỷ trọng 3% GRDP của tỉnh. Hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông có mặt còn bất cập, thiếu đồng bộ. Các hệ thống thông tin vẫn thiếu dữ liệu, nền tảng dùng chung. Doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông mỏng, chỉ chiếm 4,7% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; thiếu các doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt, chưa hình thành được ngành công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông (ICT). Kỹ năng số của một bộ phận cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp còn hạn chế. Nguồn nhân lực về công nghệ thông tin thiếu hụt trầm trọng, hiện chỉ chiếm 2,8% tổng số lao động đang hoạt động trên địa bàn. Bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh mới đạt 429,47 điểm/800 điểm (54%), trong đó chính quyền số 234,31/320 điểm (73%), kinh tế số 85,42/240 điểm (36%), xã hội số 109,74/240 điểm (46%).

Nguyên nhân chủ quan của những hạn chế nêu trên là do một số cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị chưa thật sự quan tâm đến chuyển đổi số; tư duy đổi mới và hành động trong tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, trong áp dụng công nghệ, dữ liệu số để phục vụ quản lý, điều hành mới đang hình thành. Hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và nhân lực công nghệ thông tin chưa đồng bộ. Quá trình đầu tư cho công nghệ thông tin vẫn chưa lường được hết sự phát triển nhanh, mạnh của xu thế công nghệ, số lượng người dùng... Chưa có cơ chế thu hút, ưu đãi các nhà đầu tư, các dự án có hàm lượng tri thức, công nghệ cao...

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030 và hoàn thành mục tiêu đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung sau:

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Thực hiện Chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ninh phải bám sát các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Xác định Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025; lấy người dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực tạo đột phá của sự phát triển; là con đường ngắn nhất để tạo đột phá phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức cạnh tranh của nền kinh tế, giữ vững và phát huy vai trò của một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc.

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân, đặc biệt là người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị đóng vai trò quyết định trong thúc đẩy Chuyển đổi số toàn diện. Sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu và hành động đồng bộ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; sự tham gia tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân là yếu tố quan trọng đảm bảo sự thành công của Chuyển đổi số. Do vậy, mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương cần phải tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; trong đó việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình Chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương là cơ hội để giải quyết các điểm nghẽn cũng như tạo đột phá trong phát triển, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Quá trình chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ninh phải được triển khai toàn diện, kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được của Đề án Chính quyền điện tử, thành phố thông minh và dữ liệu số đã có; đi đôi với đổi mới, sáng tạo, gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với cải cách hành chính nhằm chuyển đổi căn bản lề lối, phương thức làm việc trong hoạt động lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng; hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân và có sự đo lường, đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện.

- Quá trình thực hiện chuyển đổi số phải quyết tâm, quyết liệt, nhanh chóng xây dựng, hình thành được nguồn "*tài nguyên mới*", đó là dữ liệu số mở, đảm bảo "*sống*", "*sạch*", đầy đủ, chính xác; phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, con người, bản sắc văn hóa Quảng Ninh và phải được liên thông, đồng bộ, chia sẻ trong hệ thống chính trị, hướng đến mục tiêu phục vụ lợi ích của Nhân dân, doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế của địa phương.

- Bảo đảm an ninh quốc gia, an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức, không để lộ lọt thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về công nghệ thông tin đều phải có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khâu thiết kế.

- Khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số, trong đó nguồn lực doanh nghiệp công nghệ số tạo bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội; nguồn lực từ ngân sách của tỉnh đóng vai trò định hướng, dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài nhà nước, huy động, thúc đẩy hợp tác công - tư; nguồn lực từ các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế là hỗ trợ; nguồn lực trong Nhân dân là yếu tố quyết định sự thành công.

2. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; phát triển mạnh mẽ kinh tế số tạo nền tảng thúc đẩy phát triển và tạo ra các giá trị tăng trưởng mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh; từng bước đưa kinh tế số giữ vai trò chủ đạo trong tăng trưởng GRDP của tỉnh. Xây dựng xã hội số an toàn, nhân văn dựa trên ba trụ cột thiên nhiên - văn hóa - con người để hình thành công dân số, xã hội số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền số quốc gia. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ninh thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng của cả nước; đi đầu trong chuyển đổi số các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; trở thành mô hình mẫu về chuyển đổi số toàn diện cấp tỉnh.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản đến năm 2025

3.1.1. Về phát triển chính quyền số

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở, được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo kỹ thuật, an toàn phục vụ chuyển đổi số.

- 100% công việc ở cả 3 cấp từ tỉnh đến xã phải được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ). 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số và trả cho người dân trên môi trường số.

- 100% cơ quan khối Đảng liên thông các quy trình, dữ liệu, hồ sơ công việc từ cấp tỉnh đến cấp xã (trừ các nội dung mật); tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Hết năm 2022, 100% người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương được đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn và có kỹ năng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được định kỳ hằng năm tập huấn, bồi dưỡng về chuyên đổi số, kỹ năng số; trong đó 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

- Từ năm 2022, triển khai thực hiện việc xác thực định danh điện tử công dân qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính các cấp; đối với doanh nghiệp xác thực định danh điện tử qua cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phân đầu đến năm 2024, 100% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp từ tỉnh đến xã và liên thông với Trung ương.

- Phân đầu hết năm 2023: (1) Hoàn thành 100% số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công ở cả 3 cấp. (2) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ, họp trực tuyến, văn bản, báo cáo, ký số của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ngành, địa phương của tỉnh được thực hiện trên nền tảng số, đảm bảo tính liên thông, thống nhất, tổng thể. (3) 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ mật).

- Phân đầu hết năm 2023 hoàn thành 08 cơ sở dữ liệu nền tảng quan trọng của tỉnh gồm: Đất đai; Cán bộ, công chức, viên chức; Y tế; Giáo dục; Quy hoạch; Du lịch; Đầu tư công; Giao thông. Các cơ sở dữ liệu nền tảng chuyên ngành khác (gồm: Tài nguyên, môi trường; Công nghiệp - năng lượng; Tài chính; Văn hóa; Xây dựng; Xúc tiến đầu tư; Tư pháp...), hạ tầng dữ liệu không gian cấp tỉnh hoàn thành trong năm 2024.

- Từ năm 2024, 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính ở cả 3 cấp được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đảm bảo việc kết nối tất cả các cơ sở dữ liệu quốc gia (Dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm...) ngay sau khi được công bố để khai thác, sử dụng hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

3.1.2. Về phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm ít nhất 20% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo đóng góp từ 47-50% kinh tế số.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 11%/năm.
- 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. 100% tổ chức, cá nhân có kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử. Phần đầu toàn tỉnh quy tụ được 50 doanh nghiệp số, trong đó có ít nhất 03 doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển các sản phẩm, dịch vụ số.
- Hình thành khu công nghệ thông tin tập trung “Ha Long ICT Park” tại Khu du lịch quốc tế Tuần Châu (Thành phố Hạ Long) theo định hướng “Cảng dữ liệu” và Trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực phía Bắc.

3.1.3. Về phát triển xã hội số

- 100% các hộ gia đình được sử dụng dịch vụ Internet băng rộng, trong đó hạ tầng mạng cáp quang đến hộ gia đình đạt 95%.
- Phần đầu 100% người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh; 100% người dân có định danh số và mỗi gia đình đều có địa chỉ số.
- 100% các trường học trên địa bàn tỉnh (từ các cấp học phổ thông đến đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề của tỉnh) có nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo. 100% học sinh các cấp có hồ sơ, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử; triển khai tuyển sinh trực tuyến đầu cấp dựa trên dữ liệu số.
- 100% người dân được chăm sóc sức khỏe trên nền tảng y tế số.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 95%.

3.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 13%/năm.
- 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.
- 90% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; 80% các quyết định điều hành được hỗ trợ bởi các hệ thống phân tích dữ liệu và dữ liệu lớn.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 99%.
- Tăng 40% dịch vụ mới dựa trên dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp.
- Phần đầu có tối thiểu 500 doanh nghiệp số, trong đó có các doanh nghiệp “Make in Vietnam” làm ra các sản phẩm công nghệ lõi, chủ lực trong chuyển đổi số, đô thị thông minh.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn với công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Các cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy đảng trực tiếp chủ trì, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về chuyển đổi số, như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị

quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; chủ động, tiên phong, đi đầu, sáng tạo trong triển khai các giải pháp chuyển đổi số, đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị.

- Xây dựng mô hình truyền thông hướng tới người dân là trung tâm, thúc đẩy phát triển công dân số tại Quảng Ninh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng, các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện về nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực tham gia công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ hằng năm, tổ chức triển lãm các thành tựu chuyển đổi số của tỉnh và hội chợ công nghệ số "*Make in Viet Nam*" quy mô quốc gia, quốc tế.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách

- Xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm số; khuyến khích, huy động nguồn lực đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy chuyển đổi số trong khu vực tư nhân; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số của tỉnh.

- Hợp tác với một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực, kinh nghiệm để tham gia xây dựng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, nguồn nhân lực và các Khu CNTT tập trung đáp ứng yêu cầu, định hướng Chuyển đổi số toàn diện; tham gia thẩm định, phản biện các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hợp tác, tư vấn triển khai phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; phối hợp vận hành hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin mạng; tham gia triển khai thí điểm các giải pháp, nền tảng số tại một số huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ gia đình quảng bá sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử có uy tín trong và ngoài nước.

- Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách cho nhiệm vụ, kế hoạch chuyển đổi số hàng năm theo đúng quy định của pháp luật; chủ yếu làm vốn mỗi đề huy động tối đa mọi nguồn lực hợp pháp khác, đa dạng hóa hình thức đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin (khuyến khích hình thức trọn gói), bảo đảm hiệu quả thiết thực, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”. Tranh thủ các nguồn lực viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ kỹ thuật, chuyên gia.

3. Phát triển hạ tầng, dữ liệu và nền tảng số, đảm bảo an toàn thông tin gắn với bảo vệ chủ quyền trên không gian mạng, bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Phát triển, mở rộng hạ tầng mạng băng rộng chất lượng cao trên phạm vi toàn tỉnh để phục vụ kết nối khai thác các sản phẩm, dịch vụ số của Quảng Ninh.

- Triển khai hạ tầng mạng kết nối và hệ thống mạng lưới thiết bị cảm biến (IoT) đồng bộ theo các ngành, lĩnh vực trên cơ sở phát huy, tận dụng tối đa các hệ thống đã đầu tư trước đó và liên thông với hệ thống của người dân, doanh nghiệp. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của tỉnh trên cơ sở tổng kiểm tra và tái cấu trúc, quy hoạch các thông tin, dữ liệu và sử dụng giải pháp “*Hồ dữ liệu*”, “*Kho dữ liệu*”; thực hiện công bố, cung cấp dữ liệu mở của tỉnh trên môi trường số. Sử dụng tổng hợp các nguồn lực, trong đó tận dụng tối đa nguồn lực của doanh nghiệp, đặc biệt các tập đoàn đã ký kết hợp tác với tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số.

- Xây dựng, phát triển các nền tảng số dùng chung tỉnh Quảng Ninh bảo đảm phù hợp, tương thích và có khả năng triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây như nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) và đô thị thông minh; nền tảng định danh cá nhân và xác thực điện tử; nền tảng thanh toán trực tuyến; nền tảng số hóa; các nền tảng công nghệ triển khai phạm vi cấp tỉnh...

- Xây dựng, áp dụng các quy định, chính sách và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tăng cường hợp tác về an toàn, an ninh mạng, vận hành hiệu quả Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng (SOC) kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng quốc gia; tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số. Tuyệt đối không để lộ lọt các văn bản, hồ sơ, tài liệu mật trên môi trường số.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, lãnh đạo các hiệp hội, doanh nghiệp; cán bộ lãnh đạo phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để đội ngũ này trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về Chuyển đổi số. Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 01 (một) nhân sự nòng cốt về chuyển đổi số. Chú trọng xây dựng chương trình, thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị về chính quyền điện tử, chính quyền số phù hợp với vị trí việc làm đảm nhiệm nhằm tăng cường lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng phục vụ chuyển đổi số tại Quảng Ninh.

- Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, đào tạo, trọng tâm là Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh và khối các trường phổ thông. Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, viễn thông; đào tạo tin học, kỹ năng số tại các trường THCS, THPT để hình thành thói quen số, văn hóa số... Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Các doanh nghiệp chủ động tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người đứng đầu các doanh nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp, trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất.

- Thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao đến sinh sống và làm việc tại tỉnh. Ưu tiên tuyên dụng, đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, an toàn thông tin... Nâng cao chất lượng và đổi mới phương thức tổ chức cuộc thi, giải thưởng nghệ thông tin, sáng tạo khoa học - kỹ thuật của tỉnh nhằm tôn vinh danh hiệu tri thức tiêu biểu để phát hiện và tìm kiếm nhân tài.

5. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số

- Tập trung hoàn thiện dứt điểm nền tảng Chính quyền điện tử để đảm bảo cơ sở vững chắc khi chuyển sang chính quyền số; phát triển hạ tầng Chính quyền số phục vụ hệ thống chính trị trên cơ sở kết hợp thế mạnh của hạ tầng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh trên nền mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, mạng nội bộ (LAN), hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, trung tâm dữ liệu để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, đảm bảo tính bảo mật, an toàn, an ninh mạng.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp; phát triển, triển khai ứng dụng công dân số để cung cấp các tiện ích, dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân trên nền tảng thiết bị di động thông minh, tăng cường tương tác giữa người dân, doanh nghiệp, chính quyền, hướng tới xây dựng công dân số.

- Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn tỉnh, trong đó chú trọng các hệ thống thông tin báo cáo, thống kê về kinh tế - xã hội, hợp không giấy tờ, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, các hệ thống ứng dụng chuyên ngành đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số.

- Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính và toàn bộ văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức, đoàn thể; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian, cơ sở dữ liệu nền tảng, chuyên ngành và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng, vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh; xây dựng 4 đô thị thông minh: Hạ Long, Cẩm Phả, Móng Cái, Uông Bí; các khu kinh tế Vân Đồn, khu kinh tế ven biển Quảng Yên phát triển theo mô hình đô thị thông minh.

6. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

- Xây dựng Hệ thống phân tích dữ liệu và mô phỏng về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các hoạt động của đô thị phục vụ công tác dự báo, chỉ đạo, điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu số. Ưu tiên triển khai các ứng dụng phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp trong mô hình chính quyền đô thị.

- Cải thiện môi trường đầu tư từ việc triển khai nền tảng số, nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, thu hút các doanh nghiệp lớn về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đầu tư và đặt trụ sở tại Quảng Ninh.

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số và khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số tại các doanh nghiệp của tỉnh để nâng cao năng lực cạnh tranh, kết nối trong và ngoài nước; xây dựng hệ sinh thái kinh doanh số lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

- Phát triển thương mại điện tử nhanh, mạnh, có tính cạnh tranh đi đôi với phát triển bền vững; duy trì, vận hành và nâng cấp, bổ sung tính năng hoạt động cho Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ninh (teqni.gov.vn) hoạt động tốt, ổn định đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, người tiêu dùng, kết nối với các sàn thương mại điện tử lớn, uy tín trong nước và khu vực.

- Xây dựng “Cảng dữ liệu” tại Khu công nghệ thông tin tập trung (Ha Long ICT Park) là nơi tập trung, cung cấp dữ liệu và dịch vụ dữ liệu cho khu vực phía Bắc theo hình thức đối tác công tư (PPP); phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo (Thuộc Ha Long ICT Park) để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, đội ngũ trí thức trong nước và quốc tế đến “Sống tại Quảng Ninh, làm việc toàn cầu”; thu hút các công ty công nghệ số chuyển địa điểm hoạt động về Quảng Ninh.

- Hình thành khu công nghiệp thông minh trong đó các doanh nghiệp hoạt động phải sử dụng công nghệ thông minh, công nghệ số, công nghệ cao trong công tác quản lý, điều hành, sản xuất, cung cấp dịch vụ để thúc đẩy phát triển nhanh kinh tế số của tỉnh.

- Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực trọng tâm, có thế mạnh của tỉnh như: sản xuất công nghiệp, chế biến chế tạo, năng lượng, nông nghiệp, giao thông và logistics thông minh, du lịch, tài chính ngân hàng, kinh tế cửa khẩu...

7. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng thông qua các khóa tập huấn, đào tạo trực tuyến, các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thay đổi thói quen, hành vi về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng, áp dụng cơ chế, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số bảo đảm mỗi người dân, doanh nghiệp đều được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số. Xây dựng Bộ tiêu chí về văn hóa số của người Quảng Ninh văn minh, lịch sự trên môi trường số.

- Xây dựng các dịch vụ số trên nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh qua nhiều kênh giao tiếp, tạo môi trường thuận lợi để giúp người dân, doanh nghiệp có thể lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu, như: sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh, thông tin bất động sản, việc làm, các tiện ích thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ ... nâng cao chất lượng cuộc sống và mang lại sự hài lòng cho người dân.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ và khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch điện tử lớn trong và ngoài nước; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, OCOP của tỉnh.

8. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

Lựa chọn ngành, lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số phải chú trọng tới việc triển khai các giải pháp nhằm liên kết giữa các ngành, lĩnh vực tạo ra sự phát triển đột phá về công nghệ, nhất là công nghệ số và áp dụng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Ưu tiên, tập trung nguồn lực triển khai chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, mang lại các giá trị lớn, thiết thực và có hiệu quả ngay cho người dân, doanh nghiệp, xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- *Lĩnh vực y tế*: Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu về y tế của tỉnh kết nối liên thông, đồng bộ với Bộ Y tế; phát triển nền tảng hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ xa. Nhân rộng mô hình bệnh viện thông minh; các cơ sở khám chữa bệnh đều sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; thanh toán viện phí điện tử và đơn thuốc điện tử. Thực hiện quản lý sức khỏe toàn dân đến từng hộ gia đình gắn với chuyển đổi số, bảo đảm liên thông khi khám chữa bệnh, thực hiện hướng dẫn phòng ngừa và chữa bệnh ngay từ gia đình.

- *Lĩnh vực giáo dục - Đào tạo*: Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả các phòng học, trường học thông minh đã đầu tư giai đoạn 2017 - 2020. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, học tập và tuyển sinh; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- *Lĩnh vực du lịch*: Phát triển công nghệ số phục vụ hoạt động du lịch thông minh (*bản đồ số du lịch, thẻ du lịch thông minh, đăng ký sử dụng dịch vụ du lịch qua thiết bị di động thông minh...*), hình thành sản phẩm du lịch số bằng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường... Xây dựng đề án Di sản số Vịnh Hạ Long quản trị theo mô hình kinh tế tuần hoàn, quản trị di sản bền vững.

- *Lĩnh vực công nghiệp*: Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến chế tạo. Xây dựng hệ thống quản lý thông minh trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; xây dựng các khu công nghiệp thông minh, Khu công nghệ thông tin tập trung tại phường Tuần Châu (Ha Long ICT Park) theo định hướng “*Cảng dữ liệu*” và Trung tâm đổi mới sáng tạo.

- *Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics*: Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý hạ tầng giao thông thông minh trên nền tảng số và hạ tầng điều hành giao thông thông minh đã có để phục vụ xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình giao thông, quản lý quy hoạch giao thông. Xây dựng bản đồ GIS về logistics, từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics, hình thành các trung tâm kho bãi chia chọn tự động dựa trên công nghệ số, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước.

- *Phát triển cửa khẩu số*: Nâng cấp, phát triển và hiện đại hóa các cửa khẩu gắn với xây dựng và tạo ra một nền tảng số ứng dụng thống nhất cho tất cả các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh. Tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp có phương tiện xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; áp dụng các công nghệ số hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây...; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, có khả năng kết nối, chia sẻ qua trục liên thông, tích hợp dữ liệu của tỉnh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị, hoàn thành trong Quý I/2022. Thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số từ cấp tỉnh đến cấp xã do người đứng đầu chính quyền các cấp làm trưởng ban.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo thể chế hóa nghị quyết, xây dựng cơ chế chính sách; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước theo lộ trình.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết và Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo rà soát, xây dựng và kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Hàng năm tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các sở, ngành, địa phương và xác định là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và các sở, ban, ngành, đơn vị. Định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số; bổ sung các chỉ tiêu trong Nghị quyết vào kế hoạch hằng năm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhằm đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

5. Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tăng cường giám sát và phản biện xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện Nghị quyết.

6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Trung tâm Truyền thông tỉnh tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền sâu rộng về nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết này.

7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các cơ quan có liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/cáo),
- Ban cán sự đảng Chính phủ (để b/cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng Bộ TT&TT,
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban xây dựng đảng Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Xuân Kỳ